

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST

Ngày: 19- 8- 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường,

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Cường và bà Ngô Thị Tân,

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Trang Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST – KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Đức T1 – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro và ông Nguyễn Ngọc C – Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý rủi ro, địa chỉ: Số A H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số: 1746/QĐ-BIDV.QB ngày 06/7/2024 và Quyết định số 759/QĐ-BIDV.QB ngày 20/4/2023), ông T1 có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2;

Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP Đ và bà Lê Thùy L, ông Trần Anh T2 đã ký kết các Hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/10240553/HĐTD ngày 27/02/2023, hạn mức tín dụng là: 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng). Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.01/2023/10240553/HĐTD ngày 27/02/2023, để vay với tổng số tiền: 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng). Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua lúa gạo các loại phục vụ sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay 11 tháng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2023/10240553/HĐTD ngày 26/05/2023, hạn mức tín dụng là: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng). Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 02.02/2023/10240553/HĐTD ngày 26/05/2024, để vay với tổng số tiền: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng). Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua lúa các loại phục vụ sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay 11 tháng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho mình, bà Lê Thùy L đã thế chấp các tài sản là:

- Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại Thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 686842; vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02653 do UBND huyện Q cấp ngày 14/03/2022, Chủ tài sản là bà Lê Thùy L. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/03/2022.

- Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại Thôn V, xã L huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 686843; vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02654 do UBND huyện Q cấp ngày 14/03/2022, Chủ tài sản là bà Lê Thùy L. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/03/2022.

Hợp đồng thế chấp giữa bà Lê Thùy L với Ngân hàng TMCP Đ đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trong quá trình quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đ, bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng và để phát sinh nợ quá hạn lãi từ 01/12/2023 và quá hạn gốc từ 27/4/2024 với tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 19/8/2024 là: 10.195.861.574 đồng (Trong đó: Dư nợ gốc: 9.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi trong hạn: 1.129.614.624 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 15.910.941 đồng; Lãi chậm trả lãi: 50.336.010 đồng).

Nội dung yêu cầu khởi kiện:

- Buộc bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 19/8/2024 là: 10.195.861.574 đồng (Trong đó: Dư nợ gốc: 9.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi trong hạn: 1.129.614.624 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 15.910.941 đồng; Lãi chậm trả lãi: 50.336.010 đồng).

- Buộc bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 thanh toán số tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ từ ngày 20/8/2024 cho đến

ngày bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 trả nợ xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

- Trường hợp bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Toà án tuyên xử lý các tài sản bảo đảm đã thế chấp nêu trên để thu hồi nợ vay. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại và xử lý các tài sản thế chấp nói trên để thanh toán cho nghĩa vụ của bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 đối với Ngân hàng TMCP Đ.

- Trường hợp sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ thì bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 vẫn phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng và nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tổng cộng là: 10.195.861.574 đồng tính đến ngày 19/8/2024 bao gồm nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ; buộc bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện và trực tiếp giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà L, ông T2 vẫn cố tình

vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, qua tra hệ thống Dữ liệu dân sự và hồ sơ lưu trữ, Công an xã V xác minh kết quả như sau: Lê Thùy L, sinh ngày: 27/02/1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn G, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, số định danh cá nhân: 044195002414. Trần Anh T2, sinh ngày 24/6/1992, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn G, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, số định danh cá nhân: 044092000014. Hiện nay, bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 có mặt tại địa phương.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt còn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐST-KDTM ngày 17/7/2024 và tổng đạt đến bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2. Ngày 02/8/2024, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-KDTM ngày 02/8/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 19/8/2024 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại thôn G và trụ sở UBND xã V - nơi bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ điều tra xác minh và thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp. Tại phiên tòa hôm nay có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 trả với số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/8/2024 là: 10.195.861.574 đồng (Trong đó: Dư nợ gốc: 9.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi trong hạn: 1.129.614.624 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 15.910.941 đồng; Lãi chậm trả lãi: 50.336.010 đồng).

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/10240553/HĐTD ngày 27/02/2023 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2023/10240553/HĐTD ngày 26/05/2023 được ký kết giữa bên cấp tín dụng (Bên A) Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q; bên được cấp tín dụng (Bên B) bà Lê Thùy L và Người đồng trả nợ/ Người kế thừa nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng là ông Trần Anh T2. Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng trên, bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 đã nhận tiền thể hiện tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể gồm: Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.01/2023/10240553/HĐTD ngày 27/02/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 02.02/2023/10240553/HĐTD ngày 26/05/2024. Bà Lê Thùy L và ông Trần Anh

T2 đã nhận tiền của Ngân hàng với tổng số tiền qua các lần nhận nợ là 9.000.000.000 đồng. Hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng và bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 tuân theo quy định của pháp luật, các bên có năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung của hợp đồng tuân theo quy định của Điều 117, 119, 385, 405, 463, của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng 2010. Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được các bên thực hiện, bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 vay với số tiền gốc là 9.000.000.000 đồng. Bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn lãi từ 01/12/2023 và quá hạn gốc từ 27/4/2024. Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 trả nợ, nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 trả nợ nhưng vẫn chưa thực hiện việc trả nợ đã vi phạm Điều 10 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng đã ký kết). Nay Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 trả với số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/8/2024 là: 10.195.861.574 đồng (Trong đó: Dư nợ gốc: 9.000.000.000 đồng; Dư nợ lãi trong hạn: 1.129.614.624 đồng; Dư nợ lãi quá hạn: 15.910.941 đồng; Lãi chậm trả lãi: 50.336.010 đồng) là đúng quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/3/2022 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/3/2022 được ký kết giữa: Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q; Bên thế chấp: bà Lê Thùy L. Toàn bộ các tài sản mà bà Lê Thùy L thế chấp gắn liền với 02 thửa đất là:

- Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại Thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 686842; vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02653 do UBND huyện Q cấp ngày 14/03/2022, Chủ tài sản là bà Lê Thùy L. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/03/2022.

- Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại Thôn V, xã L huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 686843; vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02654 do UBND huyện Q cấp ngày 14/03/2022, Chủ tài sản là bà Lê Thùy L. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/03/2022.

Tài sản trên đất tại hai thửa đất nêu trên đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Lê Thùy L, theo quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được công chứng theo trình tự quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6 Điều 35 và Điều 46, 47 của Luật Công chứng năm 2006. Như vậy, trình tự thủ tục của Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng quy định của pháp luật. Tài sản trên đất của bà Lê Thùy L nên bà

Lê Thùy L có quyền tự định đoạt tài sản của mình. Theo hợp đồng thế chấp tài sản thì bà Lê Thùy L ký vào hợp đồng thế chấp, hợp đồng thế chấp đã được công chứng, việc thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định tại Điều 317, 318, 320, 321, 322, 323 và Điều 326 Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/3/2022 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/3/2022, được ký kết giữa Ngân hàng và bà Lê Thùy L có hiệu lực pháp luật buộc các bên ký kết phải có nghĩa vụ thi hành. Mặt khác, tại Điều 10 của các Hợp đồng thế chấp bất động sản đã thỏa thuận, bên nhận thế chấp được xử lý tài sản để thu hồi nợ, Ngân hàng đã có thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn nợ vay đối với bà Lê Thùy L là có căn cứ, đúng với thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng thế chấp.

[2.3] Ngày 09 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định xem xét thẩm định tại chỗ để thẩm định tại chỗ các thửa đất trên, kết quả như sau:

- Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 22 ở thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình mang tên người sử dụng đất là Lê Thùy L và tài sản gắn liền trên đất. Tứ giáp các cạnh cụ thể như sau: Phía Bắc giáp thửa đất 455 (từ điểm 9 đến điểm 3) có kích thước 33,72 m; Phía Đông giáp đường quốc lộ 1A cũ (từ điểm 3 đến điểm 5) có kích thước 6,53 m; Phía Nam giáp đường giao thông (từ điểm 5 đến điểm 8) có kích thước 42,1 m; Phía Tây giáp đường Q (từ điểm 8 đến điểm 9) có kích thước 11,50 m. Tổng diện tích đo đạc 427,2 m². Tài sản trên đất: Không.

- Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 22 ở thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình mang tên người sử dụng đất là Lê Thùy L và tài sản gắn liền trên đất. Tứ giáp các cạnh cụ thể như sau: Phía Bắc giáp thửa đất 74 (từ điểm 1 đến điểm 2) có kích thước 25,81 m. Phía Đông giáp đường quốc lộ 1A cũ (từ điểm 2 đến điểm 3) có kích thước 10,99 m. Phía Nam giáp thửa 401 (từ điểm 3 đến điểm 9) có kích thước 33,72 m. Phía Tây giáp đường Q (từ điểm 9 đến điểm 1) có kích thước 16,87 m. Tổng diện tích đo đạc 394,3 m². Tài sản trên đất: Không.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp và buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tại Tòa án số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng, Tòa án đã chi hết số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ tại phiên tòa. Buộc bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 phải chịu trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 5.000.000 đồng chi phí tố tụng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 117, 119, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 326, 335, 336, 385, 405 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 19/8/2024 là: 10.195.861.574 đồng (mười tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ); Dư nợ lãi trong hạn: 1.129.614.624 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng); Dư nợ lãi quá hạn: 15.910.941 đồng (Mười lăm triệu chín trăm mười nghìn chín trăm bốn mươi một đồng); Lãi chậm trả lãi: 50.336.010 đồng (Năm mươi triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm mười đồng) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/10240553/HĐTD ngày 27/02/2023 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2023/10240553/HĐTD ngày 26/05/2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (19/8/2024), bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp của bà Lê Thùy L, (theo các Hợp đồng thế chấp tài sản) sau đây để thu hồi nợ:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/03/2022 được ký kết giữa: Bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Q; Bên thế chấp: bà Lê Thùy L. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 400, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại Thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 686842; vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02653 do UBND huyện Q cấp ngày 14/03/2022, Chủ tài sản là bà Lê Thùy L..

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2022/10240553/HĐBĐ ngày 23/03/2022. trên được ký kết giữa: Bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Q; Bên thế chấp: bà Lê Thùy L. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại Thôn V, xã L

huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 686843; vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02654 do UBND huyện Q cấp ngày 14/03/2022, Chủ tài sản là bà Lê Thùy L.

Trường hợp sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ thì bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 phải chịu án phí 118.195.861 đồng (Một trăm mười tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi một đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.930.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003869 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà Lê Thùy L và ông Trần Anh T2 phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí tố tụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Mạnh Cường

